

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DSST

Ngày: 07/6/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Liêu
Ông Nguyễn Mạnh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số: 272/ 2018/ DSST, ngày 19/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/ QĐST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L (N); sinh năm: 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Minh Hưng, Huyện B, Tỉnh P.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn A; Sinh năm: 1980 (Có mặt)

Chị Đặng Thị Đ; Sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, Xã Minh Hưng, Huyện B, Tỉnh P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn H (N); Sinh năm: 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Minh Hưng, Huyện B, Tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Ngày 22/8/2017 bà Trần Thị L có cho vợ chồng anh Trần Văn A, chị Đặng Thị Đ vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), không tính lãi, thời hạn trả là cuối tháng 3/2018, có viết giấy vay tiền do anh A viết và cả hai vợ chồng cùng ký trong giấy vay tiền. Đến hạn bà L đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh A không trả tiền cho bà L. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh A, chị Đ trả cho vợ chồng bà L, ông H số tiền đã vay là 20.000.000đ và tiền lãi tính từ khi trễ hạn đến nay (Cụ thể từ ngày 01/4/2018 đến 01/6/2019) là 14 tháng, với mức là 1%/tháng, (Cụ thể: 20.000.000đ x 14 tháng x 1% = 2.800.000đ) tiền lãi; tổng cộng cả gốc và lãi là 22.800.000đ. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm. Tài liệu chứng cứ chứng minh: bà L giao nộp 01 bản phô tô giấy mượn tiền viết tay, đề ngày 22/8/2017.

Bị đơn anh Trần Văn A và chị Đặng Thị Đ trình bày:

Anh A, chị Đ thừa nhận ngày 22/8/2017 có vay của bà L số tiền là 20.000.000đ, hạn đến tháng 03/2018 sẽ trả, tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đông con nên vợ chồng anh A chưa trả được nợ cho bà L; trong giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế anh A có trả cho bà L 1.800.000đ tiền lãi. Nay anh A, chị Đ đồng ý trả cho bà L, ông H số tiền đã vay là 20.000.000đ và 2.800.000đ tiền lãi, từ ngày 01/4/2018 đến ngày 01/6/2019. Do khó khăn về kinh tế yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.500.000đ, cho đến khi hết nợ.

Tài liệu chứng cứ giao nộp giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo (bản sao); ngoài ra không giao nộp gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày:

Việc vợ ông là bà L cho anh A, chị Đ vay tiền, ông không biết cụ thể, chỉ nghe bà L nói lại, không chứng kiến việc cho vay, không trực tiếp giao tiền; nguồn tiền bà L cho anh A, chị Đ vay là tài sản chung của vợ chồng ông; nay ông đồng ý với yêu cầu của bà L, đề nghị anh A, chị Đ có trách nhiệm trả cho ông và bà L số tiền đã vay là 20.000.000đ và 2.800.000đ tiền lãi; ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất được số tiền đã vay, mức lãi suất, số tiền lãi, tổng cộng là 22.800.000đ. Không thống nhất về phương án trả, nguyên đơn yêu cầu trả đủ một lần, các bị đơn đề nghị trả mỗi tháng là 1.500.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Về nội dung căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc yêu cầu anh A, chị Đ liên đới trả khoản nợ 20.000.000đ; qua lời khai các bên thống nhất về số tiền vay, thời gian vay chỉ mâu thuẫn về việc thỏa thuận lãi, theo nguyên đơn là cho vay không lãi, theo bị đơn cho vay có lãi nhưng bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tại phiên tòa phía các bị đơn đồng ý trả gốc đã vay là 20.000.000đ và 2.800.000đ tiền lãi tương ứng 14 tháng quá hạn, mức tính là 1%/ tháng; không yêu cầu xem xét tiền lãi đã trả; yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 1.500.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp, bị đơn cũng thừa nhận thì không có nội dung thỏa thuận có lãi. Do đó, có cơ sở xác định khoản vay 20.000.000đ giữa bà L và anh A, chị Đ là khoản vay không lãi, có thời hạn; đến hạn trả là cuối tháng 03/2018 anh A và chị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu trả nợ và lãi tương ứng với thời gian chậm trả, với mức là 1%/tháng; Căn cứ các Điều 463, 466, 468, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật; có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc các bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ và lãi được tính là $20.000.000đ \times 14 \text{ tháng trễ hạn (từ 01/4/2018 đến 01/6/2019)} \times 1\% = 2.800.000đ$. Số tiền cho vay là tài sản chung của bà L và ông H nên anh A, chị Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà L, ông H.

Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuy nhiên hộ gia đình anh Trần Văn A chị Đặng Thị Đ được Ủy ban nhân dân xã Minh Hưng chứng nhận là hộ nghèo năm 2019, anh A, chị Đ có đơn xin miễn, giảm tiền án phí. Căn cứ các Điều 12,14,15 của Nghị Quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ số tiền án phí DSST cho anh A, chị Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L. Buộc các bị đơn anh Trần Văn A và chị Đặng Thị Đ, liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị L

và ông Nguyễn Văn H số tiền đã vay là 20.000.000đ và 2.800.000đ tiền lãi; tổng cộng là 22.800.000đ (Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng).

2. Về án phí: Các bị đơn được miễn tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, (Tức ngày 07/6/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thùy Linh